

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN
NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thạch Út

2. Ông Bùi Anh Tấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp Trung Thành, xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, tỉnh An G

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/5/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T tự tìm hiểu, tiến T hôn nhân năm 1999, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 169 quyển số I-2002 ngày 03/8/2002. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, ông T không còn quan tâm vợ con. Từ tháng 4/2018 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Nay bà

không còn tình cảm với ông nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Anh Th sinh ngày 02/5/2000 (đã trưởng thành có khả năng lao động); cháu Nguyễn Bình Nh sinh ngày 02/10/2012. Hiện cháu Nh đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung cháu Như; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Tấn T vắng mặt trong quá trình tố tụng*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/7/2024

- Bị đơn anh Nguyễn Tấn T vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ xác nhận thông tin về cư trú do Công an xã Vĩnh Thành cấp thể hiện: “ông T có nơi đăng ký thường trú tổ 8 ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, An Giang...” Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo quy định tại các Điều 177 và 179 BLTTDS 2015. Ông T không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa bà T với ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 169 quyển số I-2002 ngày 03/8/2002 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông T Mục đích tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ; nhưng bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn; ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Ông T không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều

70,72 BLTTDS. Điều này thể hiện cả hai không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa bà T với ông T đã ly thân một thời gian dài, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà T có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Giữa bà T với ông T có 02 con chung tên Nguyễn Anh Thư sinh ngày 02/5/2000 (đã trưởng thành có khả năng lao động); cháu Nguyễn Bình Như sinh ngày 02/10/2012. Hiện cháu Như đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung cháu Như; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không có văn bản trình bày ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Đồng thời cháu Nguyễn Bình Nh có văn bản trình bày ý kiến có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ (bà T). Do đó, phù hợp với quy định tại các Điều 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà T, ông T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T; Bà T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Bình Nh sinh ngày 02/10/2012. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T trong việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004544 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Tấn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang

